TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Sang
2. Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2022/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỷ (Mỹ) X, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Bị đơn: Anh Võ Minh Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Võ Minh T, sinh năm 1981 (anh ruột anh Đ, có mặt)
2. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1984 (vợ anh T, có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỷ (Mỹ) X trình bày:

Về hôn nhân: Chị X và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 02/02/2016. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị X xét thấy không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có hai người con chung là Võ Lê Ngọc A, sinh ngày 14/02/2015 và Võ Lê Minh N, sinh ngày 28/4/2017, hiện nay các cháu do chị X nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị X đề nghị được từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do bận làm ăn xa và con còn nhỏ đi lại khó khăn nên chị đề nghị xét xử vắng mặt đến khi kết thúc vụ án.

Theo đơn trình bày ý kiến ngày 09/01/2023 bị đơn anh Võ Minh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Trong thời gian chung sống anh và chị X không có mâu thuẫn, anh còn tình cảm vợ chồng với chị X, anh không muốn các con thiếu tình thương của cha hoặc mẹ, anh yêu cầu hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ nên anh không thống nhất ly hôn với chị X.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ: Anh và chị X có nợ vợ chồng anh Võ Minh T, chị Nguyễn Thị K số tiền 200.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

Anh Võ Minh T trình bày:

Việc chủ tọa công bố lời khai của chị X, anh Đ cùng các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa là đầy đủ, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, Võ Minh Đ là em ruột của anh, anh có cho anh Đ mượn nhiều lần với số tiền trên 200.000.000 đồng, trong đó có tiền lo cho Đ khắc phục hậu quả khi Đ vi phạm pháp luật. anh Đ là người mượn tiền của anh, chị X không có mượn nên chị X không thừa nhận khoản nợ này là đúng. Việc cho anh Đ mượn tiền anh không có làm giấy tờ, anh không yêu cầu chị X có trách nhiệm trả. Nếu chị X không trả thì anh Đ trả cho anh. Do anh Đ là con trai út trong gia đình có trách nhiệm nuôi cha mẹ nên anh cũng giúp đỡ anh Đ. Đối với khoản nợ anh Đ trình bày anh không yêu cầu tòa giải quyết tại vụ án này, để anh trao đổi với anh Đ sau.

Ngoài ra, trong thời gian anh Đ và chị X chung sống anh có hiểu biết như sau: Chị X, anh Đ chung sống rất hạnh phúc cùng yêu thương con. Còn nội tình bên trong giữa chị X và anh Đ như thế nào anh T không biết. Chị X trình bày mâu thuẫn với anh Đ trầm trọng là không có căn cứ.

Do anh Đ vi phạm pháp luật chấp hành án, khoảng 02 năm đầu chị X có thăm nuôi anh Đ thường xuyên nhưng kể từ năm 2020 đến nay chị X không còn thăm nuôi anh Đ nữa, chị X cũng không quan tâm đến anh Đ. Anh T xét thấy tình nghĩa vợ chồng của chị X đối với anh Đ đã lạnh nhạt từ năm 2020 đến nay nên chị X yêu cầu ly hôn với anh Đ là đúng. Tuy nhiên, theo mong muốn của anh là trước khi chị X yêu cầu ly hôn thì chị X, anh Đ và gia đình hai bên hàn gắn trước.

Về quyền nuôi còn thì anh Đ có điều kiện hơn chị X, anh Đ có đất đai có nhà cửa ổn định.

Chị Nguyễn Thị K trình bày:

Việc anh T cho anh Đ mượn tiền chị không biết. Chị thống nhất với trình bày của anh T tại phiên tòa, chị không có ý kiến khác.

Bà Nguyễn Thị L mẹ của anh Đ trình bày:

Thời gian anh Đ, chị X chung sống với bà, bà không thấy có mâu thuẫn, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau khi Đ chấp hành án bà kêu chị X đi làm để kiếm tiền phụ giúp việc nuôi con. Lúc đầu chị X đi làm thì còn về nhà thời gian sau chị X đi

làm xa thì không về mà có gọi điện. Sau đó chị X đưa con của mình về mẹ ruột sinh sống. Trước năm 2020 chị X có thường xuyên thăm nuôi anh Đ. Sau năm 2020 khi đến ngày thăm nuôi anh Đ bà có cho chị X hay nhưng chị X không đi thăm nuôi anh Đ. Sau đó bà nhiều lần cho chị X hay việc thăm nuôi anh Đ nhưng chị X vẫn không thăm nuôi anh Đ. Kể từ năm 2020 trở đi việc quan tâm, chăm sóc của chị X đối với anh Đ là không có. Bà không muốn cho chị X anh Đ ly hôn. Còn quyền quyết định có tiếp tục chung sống với nhau hay không là do anh Đ, chị X tự quyết định.

Bà Lê Thị X mẹ chị X trình bày:

Chị X có một đời chồng và một người con trước khi về chung sống với anh Đ. Khi anh Đ chấp hành án khoản nữa năm đầu thì chị X hết mực thăm nuôi, chăm sóc anh Đ. Sau đó không biết mâu thuẫn như thế nào chị X nói với bà khi thăm anh Đ thì bị anh Đ chửi, xúc phạm nên chị X không thăm nuôi anh Đ nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị X yêu cầu ly hôn với anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai: Chị X vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị X và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống kể từ năm 2020 đến nay (trong thời gian anh Đ chấp hành án) theo bà L xác định chị X không còn quan tâm, chăm sóc thăm nuôi anh Đ, còn anh T xác định cũng từ năm 2020 tình cảm vợ chồng của chị X đối với anh Đ đã lạnh nhạt, chị X không còn quan tâm đối với anh Đ nên việc chị X ly hôn với anh Đ là đúng, bà X xác định chị X cho rằng anh Đ chửi chị X nên chị X cũng không thăm nuôi anh Đ. Từ những cơ sở nói trên cùng với việc chị X tự xét thấy chung sống với anh Đ không còn hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh Đ. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị X được ly hôn với anh Đ.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị X thấy rằng cháu Ngọc A và Minh N đang chung sống ổn định với chị X, các cháu là nữ giới sau này các cháu phát triển về thể chất, tinh thần rất cần sự chăm sóc, giáo dục về giới tính của người mẹ. Mặt khác, trong khoản thời gian này anh Đ không đảm bảo điều kiện để

trực tiếp nuôi con, tại đơn xin trình bày ý kiến của mình anh Đ cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị X giao các con chung cho chị X nuôi dưỡng. Trường hợp, trong thời gian chị X nuôi dưỡng con chung nếu anh Đ có đầy đủ chứng cứ chứng minh theo quy định của pháp luật về việc chị X nuôi con không đảm bảo cho các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần thì anh Đ có quyền thỏa thuận với chị X hoặc khởi kiện thành một vụ kiện khác về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xet.

[4] Về nợ: Anh Đ cho rằng anh và chị X có nợ anh T và chị K số tiền 200.000.000 đồng, chị X không thừa nhận số nợ này. Còn anh T xác định anh Đ là người mượn tiền anh, chị X không có mượn nên chị X không biết là đúng, anh không yêu cầu chị X có trách nhiệm trả nợ cho anh. Còn đối với anh Đ anh cũng không yêu cầu anh Đ thanh toán nợ tại vụ án này. Anh T không có yêu cầu gì về khoản nợ anh Đ trình bày nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỷ (Mỹ) X phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng nên được đối trừ chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỷ (Mỹ) X và anh Võ Minh Đ được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao các cháu Võ Lê Ngọc A, sinh ngày 14/02/2015 và Võ Lê Minh N, sinh ngày 28/4/2017cho chị Nguyễn Thị Mỷ (Mỹ) X trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không có các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ: Anh T không có yêu cầu gì về khoản nợ anh Đ trình bày nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị X phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 17/10/2022 chị X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003053 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T, chị K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị X, anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn